

SỰ TÂM

TÓM TẮC TIỂU SỬ KHỔNG TỬ NGUYỄN GIỰ HÙNG



Khổng Tử (551-479) trước Công nguyên (tr. CN), tên Khâu, tự là Trọng Ni, người nước Lỗ thời Xuân Thu. Dòng dõi gia thế, vọng tộc. Khi ông ra đời, cha ông là Thúc Lương Hột tuổi đã cao gần 70, mẹ là Nghiên Chủy lúc ấy còn trẻ mới mười mấy tuổi.

(Kể chuyện Khổng Tử được sinh ra)

Mới 3 tuổi Khổng Tử phải chịu mồ côi cha. Từ đó, cảnh nhà lần hồi sa sút. Ngài học với thầy rất ít, phần nhiều phải tự học tự tu.

Đến tuổi niên thiếu ngài cần cù, chăm lo học tập, lấy sự học tập và nghiên cứu kinh điển làm vui. Tính tình điềm đạm, đời sống đơn giản, làm việc gì cũng cần mẫn, nói lời gì cũng thận trọng.

Đến năm 17 tuổi ngài mồ côi cả cha lẫn mẹ. Để kiếm sống ngài phải làm nhiều nghề như kế toán, quản lý trâu bò. Ngài không khuất phục số mệnh, vẫn lấy học tập và tu thân làm mục tiêu phấn đấu của đời mình. Ngài chuyên tâm học tập văn chương, sử sách, tu chính lễ nghĩa và đạo đức.

Năm 19 tuổi ngài đã trở thành một thanh niên tuấn tú, hòa nhã với dáng vóc cao lớn uy nghi luôn có thái độ ung dung tự tại, trượng phu. Tuy ngài còn trẻ nhưng ai trông thấy tướng mạo cũng đều nhận ra đây là một bậc “Thánh đức”. Ngài lập gia đình năm 19 tuổi.

Năm 28, 29 tuổi Khổng Tử đã nổi tiếng là người học giỏi và uyên bác nhất nước Lỗ và lan cả ra nước ngoài (những nước chư hầu thuộc Trung Hoa). Nhiều gia đình đã gửi con em đến xin học với ngài. Tuy vậy ngài vẫn biết biến học mệnh mông nên vẫn mong muốn cố tâm tìm học nơi chốn trung tâm văn hiến của thiên hạ. Nơi đó chính là kinh đô của nhà Chu.

Thời đó tuy nhà Chu đã suy yếu phải dời đô về Lạc Ấp. Tuy vậy Lạc Ấp vẫn là kinh đô, trung tâm điềm về văn hóa của Trung Hoa thời đó.

Ở Lạc Ấp, ngài vào nghiên cứu ở nhà Minh đường, ấy là viện bảo tàng cổ có từ thời nhà Chu mới được sáng lập, trước đức Khổng Tử khoảng 600 năm. Các tài liệu quý báu ở đó đã làm thỏa chí tìm tòi của đức Khổng Tử. Ngài được đi thăm các cung điện, đàn tế, và tất cả những chỗ nào được cho là sẽ giúp cho sự hiểu biết về *củng cố học thuật* của ngài như lễ nhạc, phong hóa, đạo đức, văn chương.

Có một cuộc hội ngộ bất ngờ và đầy thích thú ở Lạc Ấp giữa hai nhân vật triết học lừng danh Trung Hoa và thế giới sau này, ấy là cuộc hội ngộ của Khổng Tử và Lão Tử. Sau cuộc diện kiến và đàm luận, sau này Khổng Tử nói với môn đệ rằng: “Con chim bay trên trời, con cá lặn dưới nước, con thú chạy trên mặt đất ta đều biết cách tới lui với chúng nó. Còn như con rồng vận chuyển một cách phi thường trong chốn mình mình mông mông thì ta không biết đâu mà lường được. Hôm ấy ta thấy Lão Tử như một con rồng”. Thật vậy, giữa hai tư tưởng, học thuyết giữa Nho giáo của Khổng Tử và Đạo giáo của Lão Tử có chỗ khác biệt nhau về cơ bản. Nho giáo lo việc nhập thế đưa ra học thuyết Nho giáo “Tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”, với bản thân cần theo *ngũ thường* “nhân, nghĩa, lễ, trí, tín”, với gia đình

và xã hội đề cao theo *tam cương* “Quân, sư, phụ” rất tốt để ổn định trật tự xã hội và đạo đức trong hoàn cảnh loạn ly. Tuy nhiên, nó vẫn còn lẫn lộn trong “*hữu vi*” khổ não, đấu tranh. Học thuyết Đạo của Lão thì “*vô vi*”, cuộc sống an nhiên tự tại, thoát mình ra ngoài vòng danh lợi, đấu tranh. Khổng Tử ít quan tâm tới chuyện vô vi, trời đất quỷ thần. Sau này ngài có đề cập đến chuyện linh thiêng, quỷ thần trong *Hình nhi thượng học* do ảnh hưởng của cuộc gặp với Lão Tử hay không, nhưng trong thời gian này Khổng Tử chỉ quan tâm tới chuyện ổn định trật tự xã hội và vấn đề đạo đức thuộc *Hình nhi hạ học* của Nho giáo.

Ở Lạc Ấp ít lâu, Khổng Tử trở về nước Lỗ.

Năm 28 tuổi cũng là năm ngài có người con trai, tên Lý, hiệu *Bá Ngự*.

Bá Ngự lớn lên, được cha giáo dục theo tinh thần “thầy trò” hơn là tình “cha con”. Ấy cũng chính là nét nổi bật ý nghĩa “tề gia” của Khổng Tử vậy. Ngài đã đào tạo nhân tài ngay từ trong gia đình mình. Theo ngài gia đình là căn bản của xã hội, tề gia cũng chính là trị quốc rồi vậy. *Gia đình là gạch nối, hay gia đoạn giữa của tu thân với trị quốc bình thiên hạ.*

(Kể chuyện Khổng Tử dạy Bá Ngự)

Năm ngài 35 tuổi, nước Lỗ loạn lạc (516 tr. CN). Vua nước Lỗ là *Chiêu công* phải chạy sang nước Tề. Khổng Tử cũng bỏ sang nước Tề. Vua Tề nghe danh ngài, triệu vào tham vấn. Sau cuộc đàm luận, vua Tề thấy ngài thông suốt mọi vấn đề trị quốc nên đem lòng yêu quý và định đem đất Ni Khê mà phong cho ngài. Tể tướng nước Tề là *Án Anh* ngăn cản nên vua lại thôi. Ngài đành trở về nước Lỗ lo việc dạy học và soạn sách.

(Kể chuyện Án Anh và Khổng Tử phó hội Lỗ-Tề)

Năm ngài 43 tuổi, vua *Định công* lên ngôi ở nước Lỗ kế nghiệp cho *Chiêu công* (509 tr. CN). Ngài thấy vương triều mới này còn nhiều kẻ độc ác, gian nịnh trong triều. Những người muốn dùng ngài chẳng qua chỉ để làm mạnh cho phe cánh trong triều nên ngài chẳng muốn tham gia chính trị. Ngài dùng thời gian ở nhà sửa lại *các kinh* như *Thi, Thư, Lễ, Nhạc*. Học trò đến xin học rất đông.

Năm ngài 51 tuổi, lúc đó vua *Định công* ở ngôi được 9 năm đã thỏa thuận yên bề trong Hoàng tộc với nhau, *Định công* mời ngài ra làm “*Trung đô tể*” (Đô trưởng) là một chức lớn cai quản cả một đô thị nước Lỗ. Chưa đầy một năm ngài đã mang tài trí và đức độ ra áp dụng đã đem đến kết quả là đô thị ngài cai quản, từ dân chí quan đều thuận hòa, phấn khởi, nhà nhà yên vui, đêm cửa nhà không cần đóng.

Năm ngài 52 tuổi, vừa đúng một năm làm Trung đô tể, ngài được vua nước Lỗ cất nhắc phong cho chức “*Tư không*” (Bộ trưởng Công chính) kiêm chức “*Đại tư khấu*” (Bộ trưởng Bộ hình). Tiếng tăm của ngài đã thật lừng lẫy. Đối với vua, ngài khiêm cung, với dân thì hòa ái. Tong bốn năm làm việc với chức vụ Đại tư khấu, ngài được vua tin dùng và giao cho nhiều trọng trách khác và được coi như một Tướng quốc.

Năm ngài 56 tuổi, năm thứ 14 đời Lỗ Định công (498 tr. CN), ngài được vua phong làm “*Trung tể*” (tức Tể tướng). Ngài thay mặt vua trị quốc, mọi quốc sách chính trị đều giao cho ngài quyết định. Ngài được coi như *Á tướng*, tức tướng thứ nhì của nước Lỗ, tướng thứ nhất là *Quý Hoàn Tử* là người trong dòng tộc nhà vua, người ngoài dòng tộc không được hưởng danh hiệu này. Quý Hoàn Tử lại ngày đêm đam mê sắc dục nên mọi việc hệ trọng đều do ngài giải quyết. Mới lên được 7 ngày Khổng Tử làm sứ tâu vua xin giết một quan đại phu gian thần trong triều và từ đó các thế lực khiếp sợ không dám lộng quyền. Với tài cai trị an bang tế thế của ngài, nước Lỗ đã trở thành nước thịnh trị nhất ở Trung Hoa. Sự thịnh trị của nước Lỗ đã làm các nước láng giềng chung quanh lo ngại và tìm cách đánh đổ sự nghiệp của ngài.

Tề quốc dùng mỹ nhân kế, chuẩn bị một đoàn nữ nhạc dâng vua quan nước Lỗ. Vua quan nước Lỗ trúng kế, không nghe lời can gián của ngài. Ngài nán ở lại triều đình và mong vua Định công suy nghĩ lại. Cho đến kỳ *Tế giao*, ngày lễ trời đất, nhà vua và đệ nhất tướng quốc Quý Hoàn Tử đã vì mãi mê truy lạc nên thất lễ không gửi thịt cúng đến các quan như định lệ lễ nghi quân thần. Ngài không nhận được thịt than rằng: “*Đạo ta hết thi hành ở nơi này được nữa rồi*”. Cái “*lễ*” của vua với quan mà không giữ được thì ở lại làm gì. Ngài trả ấn, từ quan.

Lúc ấy chẳng phải chỉ có ngài mà tất cả học trò của ngài và những vị quan chánh trực trong triều cũng đều bỏ đi.

(Nhắc lại vài điều về Lễ)

(Trong sách *Luận ngữ*, sách do học trò Khổng Tử ghi lại những lời giảng dạy của ngài, chép lời Lỗ Định công hỏi Khổng Tử:

-Vua khiến bầy tôi, bầy tôi thờ vua phải làm thế nào?

Khổng Tử đáp:

-Vua khiến bầy tôi thì phải giữ lễ phép, bầy tôi thờ vua thì phải cho hết lòng trung thành. Đó là đạo quân thần.

Ngài lại nói:

-Người ta gọi mình là bậc đại thần, mình phải đem đạo lý mà thờ vua; bằng chẳng được thì thôi.

Theo “lễ” của đạo Nho, bậc đại thần trong dòng tộc nhà vua mới có quyền họp hội đồng mà truat phé nhau, người ngoại tộc thì không thể làm thế được chỉ còn cách bỏ đi.)

Từ năm 56 tuổi tới năm 68 tuổi, đức Khổng Tử dời bỏ nước Lỗ **bôn ba xứ người** tìm nơi thi hành học thuyết Nho gia của mình. Ngài *bôn ba 72 nước*, có nhiều nước ngài trở đi trở lại vài lần trong vòng 13 năm. Trong những nước ngài đi qua không gặp được minh quân biết dùng mình, có vua thì tàn bạo mê say chiến trận, có vua chỉ nhìn thấy cái lợi ngắn hạn mà không nghĩ tới kế sách lâu dài, có vua thì hoang dâm vô đạo nên dù có mời ngài, ngài cũng từ chối vì biết không thể xoay chuyển nổi tình hình vì đám quan xu nịnh chung quanh dèm pha ganh tỵ với ngài. Sau bao năm *bôn ba*, ngài cảm thấy quá mệt mỏi, chán đường công danh, chán nản tình đời nên ngài quay lại nước Lỗ.

Năm 68 tuổi, ngài trở về nước Lỗ đem quăng đời còn lại làm ba việc lớn: *trước thuật kinh sách, suy ngẫm đạo lý và giáo hóa đệ tử*

Năm 480 (tr. CN), đau lòng trước cái chết bất đắc kỳ tử của môn sinh Tử Lộ, Khổng Tử suy kiệt dần – (như thở nào ngài từng thở than khi Nhan Hồi chết yểu). Qua năm sau, Khổng Tử từ trần, **thọ 73 tuổi**. Mộ của ngài nay ở Khổng Lâm, một nơi cây cối sâm uất rậm rạp, cách huyện Khúc Phụ 3 cây số, thuộc tỉnh Sơn Đông.

* * *

Kể từ ngày ngài trở về nước Lỗ đến khi mất, đem quăng đời còn lại làm ba việc lớn: *trước thuật kinh sách, suy ngẫm đạo lý và giáo hóa đệ tử*

1- Trước thuật kinh sách:

Ngài sắp đặt, *chỉnh sửa* các Kinh Thư, Kinh Lễ; Kinh Nhạc, *sắp xếp* các chương trong Kinh Dịch.

Năm 71 tuổi ngài làm xong *Kinh Xuân Thu*, đó là *Lục Kinh* gồm sáu quyển. Về việc soạn *Lục Kinh*, Khổng Tử nói:

-Ta chỉ thuật lại mà thôi, chớ ta chẳng có tạo tác được gì. Ta tin tưởng và hâm mộ đạo lý của người xưa.

Kinh Thư, sau đời Tống thường chỉ bộ Lễ Ký, là bộ truyện, bộ sử chép các lời của vua thánh, tôi hiền khuyên răn nhau từ đời vua Nghiêu Thuấn tới đời Đông Chu và Khổng Tử. Ai xem sách ấy thì biết tư tưởng, đạo lý của cổ nhân với chế độ, phép tắc trải qua các đời. Cốt yếu của những hành vi tư tưởng trong Kinh Thư gom vào hai chữ *chấp trung*.

Kinh Lễ là bộ sách ghi chép các lễ nghi. Đó là những phép tắc có quan hệ tới phong tục, tôn giáo với cuộc sinh hoạt xã hội trong những dịp quan, hôn, tang, tế. Nhờ biết lễ mà con người biết sống trong luân thường, ăn ở có nhân có nghĩa. Lễ thì chủ yếu là kính, Người quân tử thì chẳng lúc nào không kính, dầu đối với mình hay đối với người. **Sau, đời Tống (?)**

Kinh Thi là sách chép các bài ca, bài dao từ đời thượng cổ tới đời vua Bình Vương đời nhà Chu (770-720 tr. CN). Ca là bài hát dùng trong khi tế tự hoặc hiếu hỷ. Dao là bài hát truyền miệng của dân chúng nơi thôn quê.

Khổng tử nói:

-Kinh Thi làm cho mình hứng khởi tâm chí, nhờ nó mà mình quan sát lấy mình để biết đức hạnh mình tới đâu, nhờ đó mà mình biết hợp quần với xã hội và cũng nhờ nó mà mình biết giận kẻ ác một cách chính đáng. Kẻ đọc kinh Thi, gần thì biết thờ cha mẹ, xa thì biết phụng sự vua cho hết nghĩa bề tôi. Mình lại biết tên nhiều giống chim, thú và thảo mộc nữa.

Khổng Tử viết:

-Phàm người đọc kinh Thi phải biết noi theo kinh ấy mà giữ cái tâm cho chánh. Đó là chủ đích của kinh Thi vậy.

-Toàn bộ Kinh Thi ba trăm thiên chỉ có một câu tóm tắt hết ý nghĩa, ấy là: *Giữ tư tưởng cho ngay thẳng, trung chính, đừng có lật lọng gian tà.* (Thi tam bá, nhất ngôn dĩ tế chi, viết: Tư vô tà.

Kinh Nhạc là sách dạy âm nhạc theo Thánh hiền, cốt lấy hòa làm chủ, tức dạy người trọng niềm hòa khí.

Nhưng sau Khổng Tử vài trăm năm, Tần Thủy Hoàng đốt hết các sách sử, do đó toàn bộ kinh Nhạc bị tiêu hủy. Sau đó không ai tìm được. Duy có người nhớ được một thiên bỏ vào Lễ ký, gọi là Nhạc ký. Vì vậy về đời sau bộ sách Lục Kinh gồm sáu cuốn nay chỉ còn năm cuốn gọi là Ngũ Kinh.

Kinh Dịch là bộ sách trọng yếu nhất trong Nho giáo. Ấy là bộ kinh rất bí ẩn, nhiệm màu. Dịch nghĩa là biến đổi, tức là theo thời mà hành động cho hợp mệnh trời.

Đức Khổng Tử soạn xong kinh Dịch lúc ngài 70 tuổi. Ngài dốc hết tâm tư để soạn kinh này. Ngài nguyện: “*Nếu Trời cho ta thêm được vài năm nữa, ta sẽ nghiên cứu xong đạo Dịch, như thế mới không có sự làm lỗi lớn nữa*”. Người học Dịch thì biết trước sự cát hung, họa phúc, biết rõ mệnh Trời nên đâu có dám phạm tội, ăn ở trái mệnh trời. Đạo Dịch gom vào một chữ *thời*. Người thông hiểu Dịch tức là Thánh nhân rồi vậy.

Trong kinh Dịch có biên 8 quẻ lớn, 64 quẻ thường và 384 quẻ hào.

Kinh Xuân Thu là bộ sách Đức Khổng Tử viết theo *sử thời Đông Chu* kể từ năm Kỷ Mùi (772 trước CN), tới năm Canh Thân (481 trước CN) nhằm thời gian vua *Lỗ Ai công* trị vì nước Lỗ. Lúc này ngài 71 tuổi. Trong kinh, đức Khổng Tử thuật những chuyện nhà Chu và các nước chư hầu, nhất là những chuyện nước Lỗ. Ngài khen người lành, chê người dữ và sự quấy một cách vô tư. Kinh Xuân Thu bên ngoài là một bộ sử, nhưng bên trong là một bộ sách răn đời, cốt ở sự *chính danh*. Mỗi người nên xử sự cho đúng danh phận của mình. Đời sau cho rằng lời khen trong kinh Xuân Thu làm cho vinh hạnh như áo hoa cổn vua ban, lời chê trong kinh ấy làm cho điểm nhục muôn đời.

2- Suy ngẫm đạo lý

Suy ngẫm về đạo mình, ngài gọi Tăng Tử bằng tên thật mà rằng:

-Sâm ơi, Đạo ta là do nói ra một lẽ, mà suốt thông tất cả.

(Sâm hê, ngô đạo nhất dĩ quán chi)

Luận về quân tử, ngài nói:

-Người quân tử có 3 điều sợ, thứ nhất là sợ mệnh trời, thứ hai là sợ đại nhân, thứ ba là sợ lời dạy của thánh nhân.

(Quân tử hữu tam úy, úy thiên mệnh, úy đại nhân, úy thánh nhân chi ngôn.)

Ôn lại đời mình, ngài nói:

-Hồi 15 tuổi ta để hết tâm chí vào sự học

-Đến 30 tuổi, ta vững chí mà tiến lên đường đạo đức

-Đến 40 tuổi, tâm trí ta sáng suốt, hiểu rõ việc phải trái, sự lý, chẳng còn nghi hoặc.

-Qua 50 tuổi, ta biết mệnh trời.

-Đến 60 tuổi, lời chi, tiếng chi lọt vào tai ta thì ta hiểu ngay chẳng cần phải suy xét lâu dài.

-Được 70 tuổi, trong tâm ta đâu có muốn sự chi cũng chẳng hề trái phép.

(Ngô thập hữu ngũ, nhi chí vụ học; tam thập nhi lập; tứ thập nhi bất hoặc; ngũ thập chi tri thiên mệnh; lục thập nhi nhĩ thuận; thất thập nhi tùng tâm sở dục, bất du cù)

3- Giáo hóa đệ tử và đào tạo nhân tài.

Trong thời gian từ 68 tuổi tới năm 73 tuổi, ngoài việc soạn kinh sách ngài còn dùng thì giờ để giáo huấn học trò và đào tạo nhân tài. Ngài đảm nhiệm công việc này trên 40 năm, kể từ lúc thiếu niên tới lúc lão thành. Ngài có 3000 đệ tử. Trong số 3000 đệ tử đó có 72 người xuất sắc nhất gọi là “*Thất thập nhị hiền*”, và trong 72 người học trò giỏi đó có *Nhan Hôi* là nhân đức và trí huệ hơn hết. Nhưng Nhan Hôi mất sớm làm cho đức Khổng Tử đau lòng đến rơi nước mắt. Ngài nhớ tiếc Nhan Hôi hơn nhớ tiếc con ruột của ngài là Bá Ngự.

Sau đó ngài đem chỗ yếu lý trong nền đạo của ngài mà truyền cho *Tăng Tử* (Tăng Sâm), về sau làm sách “**Đại học**”. Tăng Tử sau truyền mối đạo cho *Tử Tư*, cháu nội của Khổng Tử, tức con của Khổng bá Ngự. Về sau Tử Tư viết sách “**Trung Dung**”.

Trong việc giáo dục, Khổng Tử chú trọng vào *hiện thực nhân sinh*, khi thảo luận với các đệ tử, ngài cố tránh bàn đến chuyện huyền hoặc, mơ hồ. Ngài nói với Tử Lộ: “Chúng ta, đến sự sống còn chưa hiểu tường tận thì không nên nghĩ quá nhiều về vấn đề chết chóc”.

Đức Khổng Tử đào tạo được **10 đệ tử chân truyền (1)** có sở trường khác nhau. Đứng về khoa giảng dạy, ngài không dấu ai nhưng cùng tùy theo căn tính của mỗi người mà ngài giảng cao hay thấp. Ngài nói rằng: “Từ người bậc trung trở lên mới nên dạy đạo lý chỗ cao; từ người bậc trung trở xuống chớ nên dạy điều cao thượng”.

Khổng Tử dốc chí đưa hàng đệ tử lên tới “Đạo”, đạt mức “Trung dung”. Nếu kẻ sĩ tâm không vọng tưởng, không theo những cảnh cảm dỗ, tức là đắc bậc Trung, làm bậc quân tử. Vì “Trung” là gốc lớn của thiên hạ: Mọi người, mọi vật đều do nơi đó mà sinh sôi tiến hóa.

Có khi một lời nói của ngài mới nghe qua thì thấy dễ và thực tế quá, mà xem ra cả đời làm không nổi. Một lần Tử Công hỏi:

- “*Thưa Thầy, có một câu cách ngôn nào có ý nghĩa tổng quát, mà trọn đời, mình có thể làm theo chăng?*”

Khổng Tử đáp:

- “*Việc gì mình không muốn thì chớ làm cho người*”

(Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân)

Ta có thể tóm kết nội dung giảng dạy của Khổng Tử vào câu sau đây:

- *“Phu tử lấy bốn điều để dạy người: văn chương, đức hạnh, lòng trung thực và lòng thành tín”*. (Luận ngữ, VII:25).

Đệ tử chân truyền nổi bật nằm trong “Tứ Phối” được thờ ở Văn Miếu:

a/ Nhan Hôi

Ông họ Nhan tên Hôi, tự là Uyên (521-490 tr.C.N). Nhà nghèo, song cố gắng học đạo. Tư tưởng của ông trong sạch đạt tới mức *Trung dung*. Tâm lòng nhân ái của ông làm cho ông được Khổng Tử công nhận là người NHÂN, một người môn đệ duy nhất được ngài công nhận đạt tới danh hiệu ấy.

Trong Nho giáo, “Trung dung” là mức độ Đạo khó nhất. Ai đạt mức độ đó hiển nhiên thành bậc quân tử, dự hàng Thánh nhân. Khổng Tử khen *“Hôi mới thật là người trí vậy. Người biết chọn đạo Trung dung mà theo. Mỗi khi được một điều lành thì ôm chặt chẽ trong lòng, chẳng để cho thất lạc”*.

Đạt được mức Trung dung đã khó, mà tu tập được đức Nhân thì càng khó hơn. Bởi đức Nhân khó hơn nên trong 3000 môn đệ của Khổng Tử, chỉ có một người được nhận là Nhân. Ngài nói *“Hôi trong 3 tháng lòng chẳng lìa khỏi điều Nhân. Còn các đệ tử khác của ta thì chỉ giữ được một ngày, người thì chỉ giữ được một tháng là cùng.”*

Đức Khổng Tử và Nhan Hôi thường tâm đầu ý hiệp về nhiều điểm, nhất là về tu thân thành đạo. Có một lần đối diện với Nhan Hôi, Đức Khổng Tử than rằng *“Nếu người ta dùng mình thì mình đem Đạo lý ra mà thi hành; bằng chẳng dùng mình thì mình ở ẩn với Đạo lý, chỉ có người và ta được như vậy mà thôi”*.

Khi ngài hết chu du trở về nước Lỗ, vui thú thanh nhàn cùng đoàn đệ tử. Lúc đó Nhan Hôi lại không thoát khỏi mệnh trời, mất ở tuổi 31. Nghe tin ấy, Đức Khổng Tử rụng rời, than rằng *“Ôi thôi! Trời hại ta rồi! Trời hại ta rồi!”*. Liên đó ngài khóc rất thảm thiết.

Chư đệ tử khuyên rằng *“Thầy khóc bi ai thái quá”*.

Ngài đáp:

- *“Ta bi ai lắm sao? Ôi, ta chẳng vì người ấy mà bi ai, thì lại vì ai?”*

Ngài bi ai cho cái chết của Nhan Hôi còn sâu đậm hơn cả cái chết của con ruột ngài là Khổng Bá Ngư cũng chết yểu ở tuổi 41.

Nhan Hồi mất rồi, Đức Khổng Tử bùi ngùi thương tiếc mãi. Tuy thế ngài cũng rèn luyện một người để nối chí ngài mà truyền đạo cho đời. Người ấy là ông Tăng Tử.

b/ Tăng Tử (Tăng Sâm)

Ông họ Tăng tên Sâm, tự là Tử Dư con ông Tăng Tích, sinh tại ấp Võ Thành nước Lỗ. Sinh năm 505 tr.C.N, thua Đức Khổng Tử 46 tuổi. Vốn nhà nghèo nhưng thờ cha mẹ chí hiếu, thường vào trong rừng kiếm củi nuôi cha mẹ.

Tăng Tích cha của ông cũng là học trò của Đức Khổng Tử. Tăng Tích là người có chí cao khiết, yêu thích tự do trong cảnh thanh bần chứ chẳng ham bả vinh hoa. Noi gương cha, Tăng Tử ông giữ đúng khí tiết của nhà hiền triết. Trọn đời ông chỉ làm ba điều: Tu thân, dạy học và viết sách.

Trong thời gian tu tập với Đức Khổng Tử ông chứng ngộ thuyết “*Nhất quán*”, một lẽ mà thông mọi lẽ, do Khổng Tử biệt truyền do đó ông trở nên bậc *Tông Thánh* trong Nho giáo chỉ sau Thánh Khổng Tử, Á Thánh Mạnh Tử.

Tăng Tử nói với các bạn đồng lớp: “*Đạo của Thầy ta chỉ gom vào hai đức này mà thôi: Trung và Thứ*”. *Trung* là hết lòng hết dạ, thành tâm thật ý; *Thứ* là suy lòng ta ra lòng người, việc gì mình chẳng muốn thì đừng làm cho người. Đức Khổng Tử truyền cho phương pháp: *muốn suốt thông tất cả, từ nhân tình thế sự cho tới Thiên lý, nên bắt một mối mà tìm ra mãi cho đến cùng*.

Tăng Tử thường theo hạnh nghiêm chỉnh của đức Khổng giữ gìn tư tưởng và hành động ở chốn riêng tư. Tăng Tử nói: “*Ở chỗ mười mắt trông vào, mười tay chỉ vào, mình chẳng nên giữ cho nghiêm cẩn sao?*”.

Tăng Tử là người con chí hiếu nên thường nhắc với các môn đệ lời vàng ngọc của Đức Khổng Tử:

- “*Ta có nghe Thầy ta dạy rằng người ta dầu chưa hết tình làm, nhưng trong việc tang cha mẹ, há không nên cố gắng hay sao?*”

Tăng Tử lại nói:

- “*Hiếu có ba bậc: bậc đại hiếu thì tôn trọng cha mẹ; bậc trung là không làm nhục cha mẹ; bậc hạ là có thể nuôi cha mẹ*”.

Trong đạo Nho của phái Tăng Tử, từ tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ, ***nết hiếu*** đứng đầu trong các hạnh.

Tăng Tử dạy chữ hiếu cho kẻ cầm quyền, vua chúa:

- “*Như người ở ngôi trên mà thận trọng trong cuộc tang lễ đối với cha mẹ khi mãn phần, và lo tế tự tổ tiên trong các đời trước, thì ở dưới dân cảm hóa cái đức dày của mình mà quay về đạo hiếu*”

Tăng Tử lại nói:

- “*Ta có nghe Thầy ta khen rằng Mạnh Trang Tử, đại phu công tộc nước Lỗ, là người có hiếu. Các nét hiếu khác của ông người ta còn có thể làm theo được. Có hai nét này mà người ta khó theo nổi: ông không thay đổi những viên quan từng giúp việc cho cha; và ông chẳng sửa đổi phép cai trị của cha*”

Tăng Tử thác để lại cho đời sau quyển *Đại Học* do ông biên thuật và cuốn *Hiếu Kinh* do ông trước tác. Ông đem chỗ tâm truyền của Đức Khổng Tử mà trao lại cho **Tử Tư**, cháu nội của ngài (con của Bá Ngự).

Khổng giáo có nhiều phái, *phái Tăng Tử là chánh truyền* và có thể lực hơn hết. Vì vậy mà đời sau xưng Tăng Tử là *Tông Thánh*.

Ghi chú:

(1) *Mười vị đệ tử* ưu tú của Đức Khổng Tử.

- Bốn vị trội về *đức hạnh*:

1- Nhan Hôi

2- Mẫn Tử Khiên

3- Nhiễm Bá Ngự

4- Trọng Cung

- Hai vị trội về *ngôn ngữ*:

5- Tê Ngũ

6- Tử Công

- Hai vị trội về *chính trị*:

7- Nhiễm Hữu

8- Tử Lộ

- Hai vị trội về *văn học*:

9- Tử Du

10- Tử Hạ